

Số: 38/2022/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 393/TTr-STC ngày 08 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Dự án).

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP); Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (sau đây viết tắt là Nghị định số 99/2021/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân và các đối tượng khác tham gia hoặc có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện Dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các Dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước và theo nội dung hướng dẫn tại Quyết định này.

2. Các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì phần vốn ngân sách nhà nước của Dự án thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Hình thức hỗ trợ

Trên cơ sở mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực cụ thể của từng địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hình thức hỗ trợ cho phù hợp, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, theo các hình thức sau:

1. Hỗ trợ bằng tiền: Trên cơ sở quyết định phê duyệt đầu tư dự án và kế hoạch giao vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban quản lý xã thực hiện giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ từ Kho bạc nhà nước cho Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

2. Hỗ trợ bằng hiện vật:

a) Trên cơ sở quyết định phê duyệt đầu tư dự án và kế hoạch giao vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban quản lý xã có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu cung ứng hiện vật, ký kết hợp đồng, tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán cho đơn vị cung ứng hiện vật theo đúng các quy định hiện hành; đơn vị cung ứng tổ chức vận chuyển hiện vật đến chân công trình hoặc địa điểm thuận lợi nhất theo thỏa thuận trong hợp đồng để giao cho Ban phát triển thôn tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

b) Đối với dự án được hỗ trợ bằng hiện vật: Giá trị của hiện vật phải được quy đổi ra tiền căn cứ đơn giá, được hạch toán vào giá trị dự án và tổng hợp vào quyết toán dự án theo quy định.

3. Kết hợp hai hình thức trên: Tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án, từng địa phương quyết định kết hợp các hình thức hỗ trợ trên.

Điều 5. Quy trình, thủ tục thanh toán

1. Mở mã dự án và tài khoản thanh toán

a) Mở mã dự án: Chủ đầu tư mở mã dự án tại Sở Tài chính thông qua Dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

b) Mở tài khoản thanh toán

- Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc nhà nước để thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn.

- Hồ sơ mở tài khoản theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc nhà nước.

2. Trình tự thanh toán

a) Thực hiện thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Dự án đối với khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

b) Căn cứ khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, Ban phát triển thôn lập hồ sơ gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán theo quy định.

3. Hồ sơ pháp lý gửi một lần của dự án (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung)

a) Quyết định phê duyệt đầu tư dự án hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh (nếu có).

b) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cộng đồng tự thực hiện dự án (Mẫu 01 ban hành kèm theo Quyết định này).

c) Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện dự án theo định mức giao cho cộng đồng.

đ) Hợp đồng giữa Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn; hợp đồng mua bán hàng hóa (đối với hỗ trợ bằng hiện vật).

4. Tạm ứng vốn

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ tạm ứng:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT phụ lục ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Chứng từ chuyên tiền (Mẫu số 05/TT phụ lục ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

5. Thanh toán khối lượng hoàn thành

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ thanh toán:

- Biên bản nghiệm thu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (Mẫu 02 ban hành kèm theo Quyết định này).

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT phụ lục ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT phụ lục ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT phụ lục ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)

- Chứng từ chuyên tiền (Mẫu số 05/TT phụ lục ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

c) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng (cộng đồng dân cư trực tiếp thực hiện), hồ sơ thanh toán gồm:

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng nội dung công việc.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT phụ lục ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT phụ lục ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Bảng kê chứng từ thanh toán.

Điều 6. Quy trình, thủ tục quyết toán

Thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết định quyết toán theo niên độ vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- UBMT Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (Đề tự kiểm tra và đăng tải CSDL);
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài PT&TH tỉnh;
- Như Điều 7; (thi hành)
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT (TL).

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn

Mẫu 01. Văn bản giao cho cộng đồng tự thực hiện dự án

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện dự án.....

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số/2022/QĐ-UBND ngày...tháng...năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Ban quản lý xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho cộng đồng¹ thực hiện dự án.....(mã dự án.....), cụ thể:

1. Người đại diện cộng đồng thực hiện dự án: Ông/Bà.....; Địa chỉ:.....

(Có danh sách người tham gia kèm theo)

2. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:.....

3. Tổng mức đầu tư:.....

4. Nguồn kinh phí thực hiện:.....

5. Thời gian thực hiện²:.....

6. Các nội dung khác (nếu có).....

Điều 2. Giao Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn, Ban giám sát của cộng đồng xã có trách nhiệm quản lý, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu:.....

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

¹ Ghi rõ đối tượng giao thực hiện dự án: cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.

² Ghi rõ cụ thể thời gian thực hiện.

Mẫu 02. Biên bản nghiệm thu công trình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH Số:.....

Tên dự án:.....

Mã dự án:.....

Địa điểm xây dựng:.....

I. Thành phần tham gia nghiệm thu:

1. Đại diện UBND xã (phường, thị trấn).....:

- Ông/Bà:.....- Chức vụ:.....

- Ông/Bà:.....- Chức vụ:.....

2. Đại diện Ban quản lý xã.....:

- Ông/Bà:.....- Chức vụ:.....

- Ông/Bà:.....- Chức vụ:.....

3. Đại diện Ban giám sát của cộng đồng xã.....:

- Ông/Bà:.....- Chức vụ:.....

- Ông/Bà:.....- Chức vụ:.....

4. Đại diện Ban phát triển thôn.....:

- Ông/Bà:.....- Chức vụ:.....

- Ông/Bà:.....- Chức vụ:.....

5. Đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thi công công trình:

- Ông/Bà:.....Địa chỉ:.....

- Ông/Bà:.....Địa chỉ:.....

6. Các thành phần có liên quan khác do UBND cấp xã quyết định.

II. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

Kết thúc:.....giờ, ngày.....tháng.....năm.....

Tại.....

III. Đánh giá công trình xây dựng đã thực hiện

1. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu³:

.....
.....

³ Bao gồm: Bản vẽ thi công, nhật ký thi công, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật, các văn bản pháp lý, tài liệu khác liên quan đến xây dựng công trình.

2. Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng⁴:

.....
.....

3. Các ý kiến khác (Nếu có):

.....
.....

IV. Kết luận:

.....
.....

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về biên bản nghiệm thu này.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN)

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ XÃ.....

**ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT
CỦA CỘNG ĐỒNG XÃ.....**

**ĐẠI DIỆN BAN PHÁT TRIỂN
THÔN.....**

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ,
TỔ, NHÓM THỢ THI CÔNG**

⁴ Đối chiếu với bản vẽ thi công, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật để đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng.